

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội (giai đoạn 1: 10.000 m³/ngày đêm) tại Khu kinh tế Nhơn Hội (thị trấn Cát Tiến và xã Cát Chánh, huyện Phù Cát và xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn), tỉnh Bình Định

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 70/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh giải quyết một số thủ tục hành chính trên lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND tỉnh Bình Định;

Xét Văn bản số 247//2024/HAL-PMU ngày 15/11/2024 của Công ty cổ phần Halcom Việt Nam về việc hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội (giai đoạn 1: 10.000 m³/ngày đêm) tại Khu kinh tế Nhơn Hội (thị trấn Cát Tiến và xã Cát Chánh, huyện Phù Cát và xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn), tỉnh Bình Định và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội (giai đoạn 1: 10.000 m³/ngày đêm) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần Halcom Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Khu kinh tế Nhơn Hội (thị trấn Cát Tiến và xã Cát Chánh, huyện Phù Cát và xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn), tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND thị trấn Cát Tiến;
- UBND xã Cát Chánh;
- UBND xã Nhơn Hội;
- Công ty cổ phần Halcom Việt Nam;
- Lãnh đạo Ban;
- Phòng: QLĐT, QLQH XD, QLDN;
- Văn phòng Ban (công khai trên Website);
- Lưu: VT, P.QLTNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thanh Nguyên

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
HỆ THỐNG CẤP NƯỚC KHU KINH TẾ NHƠN HỘI
(GIAI ĐOẠN 1: 10.000 M³/NGÀY ĐÊM)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BQL ngày tháng 11 năm 2024
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội (giai đoạn 1: 10.000 m³/ngày đêm).
- Địa điểm thực hiện: Khu kinh tế Nhơn Hội (thị trấn Cát Tiến và xã Cát Chánh, huyện Phù Cát và xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn), tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: Công ty cổ phần Halcom Việt Nam.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Xây dựng Nhà máy nước (giai đoạn 1) trên phần diện tích 15.697,04 m² tại thôn Chánh Hữu, xã Cát Chánh, huyện Phù Cát.
- Xây dựng các tuyến ống cấp nước sạch, tổng chiều dài là 12,33 km, đi qua địa bàn xã Cát Chánh và thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát và xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn.
- Công suất của Dự án (giai đoạn 1): 10.000m³/ngày đêm.
- Cấp nước sạch đảm bảo lưu lượng, chất lượng (theo QCVN 01-1:2018/BYT của Bộ Y tế và QCĐP 01:2022/BĐ của tỉnh Bình Định) phục vụ cho các dự án trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội theo phân vùng cấp nước (vùng 2) đã được UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Văn bản số 7394/UBND-KT ngày 19/11/2021 về việc định hướng phân vùng phục vụ và kế hoạch phát triển cấp nước tại Khu kinh tế Nhơn Hội.

1.3. Công nghệ sản xuất của Dự án

Nước thô (lấy từ sông Đại An) → Hồ chứa nước thô → Trạm bơm nước thô → Bể phân chia lưu lượng → Bể phản ứng cơ khí (bể tạo bông cặn) → Bể lắng Lamella → Bể lọc → Bể chứa → Trạm bơm cấp 2 → Mạng lưới cấp nước.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình chính

- a) Các hạng mục công trình tại khu vực Nhà máy nước:
 - Công trình thu - Trạm bơm dâng:
 - + Công trình thu: Xây dựng công trình thu gồm có 03 cửa thu nước (chiều rộng 1,2m/cửa, cao độ đáy cửa thu -1,5m); song chắn rác được bố trí tại cửa thu

với chiều rộng 1,2m; 03 cống dẫn nước bằng bê tông cốt thép D600mm dẫn từ cửa thu sang Trạm bơm dâng trước khi vào hồ chứa.

+ Trạm bơm dâng: Kích thước thông thủy 8.0m x 3.0m x 5,3m; công suất trạm bơm 20.000 m³/ngày đêm; lắp đặt 01 máy bơm chìm hướng trục, công suất 1.000 m³/giờ.

- Hồ chứa nước thô: Diện tích 6.909 m², dung tích chứa từ 14.000 m³ đến 32.900 m³ nước thô.

- Cụm xử lý nước gồm: Bể phân chia lưu lượng, bể phản ứng, bể lắng Lamella, bể lọc tự rửa, bể chứa, đáp ứng công suất giai đoạn 1 là 10.000 m³/ngày đêm. Cụ thể:

+ Bể phân chia lưu lượng, kích thước: Cao 1,2m, đường kính 1,2m.

+ Bể phản ứng, kích thước: 4,1m x 3,6m x 2,5m; Bể lắng Lamella, kích thước: 5,4m x 3,6m x 6,4m. Sử dụng 04 mô - đun bể phản ứng, lắng, công suất 110 m³/giờ.

+ Bể lọc tự rửa, kích thước: Cao 4,5m, đường kính 4,5m. Sử dụng 04 mô - đun bể lọc tự rửa, công suất 110 m³/giờ.

+ Bể chứa, kích thước: 26,8m x 26,8m x 4,3m. Dung tích chứa hữu ích khoảng 2.700 m³.

- Nhà hành chính - Điều hành: 02 tầng, kích thước: 26,8m x 7,0m.

- Khu xử lý nước rửa lọc, xả lắng:

+ Bể thu hồi bùn, kích thước: 07m x 07m. Tại đây lắp 02 máy bơm, công suất 33 m³/giờ để bơm nước sang bể nén bùn.

+ Bể nén bùn (02 bể), kích thước: Cao 04m, đường kính 02m.

+ Nhà ép bùn, kích thước: 07m x 07m, được xây dựng trên nắp Bể thu hồi bùn. Trong nhà ép bùn, lắp đặt hệ thống máy ép bùn, công suất 03 m³/giờ.

- Phòng thí nghiệm, kích thước: 07m x 07m; nhà hóa chất, kích thước: 15,82m x 6,7m.

- Trạm bơm cấp I + II, kích thước: 6,2m x 25,9m, lắp đặt 02 bơm nước thô, công suất 458 m³/giờ/bơm và 03 bơm nước sạch, công suất 364 m³/giờ/bơm.

b) Mạng lưới đường ống cấp nước: Xây dựng các tuyến ống cấp nước sạch, vật liệu HDPE, đường kính từ D400mm - D560mm, tổng chiều dài 12,33 km, đi qua địa bàn xã Cát Chánh và thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát và xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn.

1.4.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Bố trí 01 công trường, tổng diện tích khoảng 200 m².

- Giai đoạn vận hành:

+ Nhà kho, diện tích 123,44 m²; Nhà bảo vệ, diện tích 10,24 m²; Nhà để xe, diện tích 26,72 m²; Trạm biến áp, diện tích 30,06 m².

+ Các công trình hạ tầng kỹ thuật gồm: Hệ thống giao thông nội bộ; hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước sinh hoạt; hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, xử lý nước thải; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hệ thống cây xanh, thảm cỏ theo quy hoạch của Dự án đã được phê duyệt.

1.4.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng: Lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động; 01 bể lắng tạm nước thải phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng; bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại đảm bảo theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Xây dựng hệ thống thu gom nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa theo quy hoạch được duyệt.

+ Xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 05 m³/ngày.

+ Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo lưu chứa toàn bộ lượng chất thải phát sinh.

+ Bố trí 01 khu chứa chất thải nguy hại, diện tích 20 m².

+ Trồng cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh, cảnh quan đạt 3.528,31 m².

1.4.4. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường

Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công xây dựng phục vụ Dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng lúa nước từ 02 vụ trở lên thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động san nền: Phát sinh bụi từ quá trình đào đắp; bụi, khí thải từ các phương tiện, máy móc thi công, vận chuyển vật liệu san nền.

- Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình tại khu xây dựng Nhà máy nước và thi công tuyến ống cấp nước: Phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, nước mưa chảy tràn (mang theo đất, cát ảnh hưởng khu vực xung quanh), chất thải rắn xây dựng, nước thải xây dựng, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị thi công.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công, xây dựng: Phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn và có nguy cơ hư hỏng các tuyến đường trong quá trình vận chuyển.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động xử lý nước, cấp nước sạch: Phát sinh nước thải từ quá trình rửa lọc, xả cặn tại các bể lắng, súc rửa đường ống và từ quá trình lắng bùn; bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp, nước thải; vật liệu lọc thải từ quá trình xử lý nước cấp, nước thải; chất thải nguy hại.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại Dự án: Phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô và tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công xây dựng khoảng 1,8 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), chất rắn lơ lửng (SS), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình vệ sinh, rửa dụng cụ thiết bị thi công, rửa bánh xe, rửa xe khoảng từ 02 - 04 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát, dầu mỡ từ máy móc, thiết bị thi công.

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng.

b) Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên khoảng 02 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), chất rắn lơ lửng (SS), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

- Nước thải sản xuất: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lọc khoảng 120 m³/lần (01 ngày/lần); nước thải phát sinh từ quá trình súc rửa đường ống khoảng từ 2.150 - 2.200 m³/lần (01 đến 02 lần/năm); nước thải phát sinh từ quá trình xả cặn tại các bể lắng khoảng 72 m³/lần (02 lần/ngày); nước thải phát sinh từ quá trình ép bùn khoảng 153,6 m³/lần (01 ngày/lần). Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động thi công các hạng mục công trình, vận chuyển vật liệu xây dựng, san nền, thi công xây dựng và hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị. Thành phần chủ yếu là bụi lơ lửng, các khí CO_x, NO_x, SO₂.

b) Giai đoạn vận hành: Phát sinh mùi hôi từ các khu vực tập kết, lưu chứa bùn, chất thải rắn sinh hoạt; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển của cán bộ công nhân viên.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công xây dựng khoảng 0,034 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu là: bao bì, hộp đựng thức ăn, vỏ chai nhựa, thức ăn thừa,...

- Sinh khối phát sinh từ hoạt động phát quang, làm sạch mặt bằng thi công khoảng 20 m³.

- Chất thải rắn xây dựng: Xà bần phát sinh từ quá trình cắt bỏ các đoạn đường bê tông để thi công đường ống nước khoảng 50 m³; bao xi măng, sắt, thép vụn,... phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng từ 10 - 20 kg/ngày; đất đào từ quá trình thi công tuyến ống cấp nước khoảng 1.233 m³.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên khoảng 0,014 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu là: bao bì, hộp đựng thức ăn, vỏ chai nhựa, thức ăn thừa,...

- Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước cấp khoảng 417,5 kg/ngày.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt khoảng 9,6 kg/ngày.

- Vật liệu lọc thải phát sinh từ quá trình xử lý nước cấp khoảng 18 m³/lần thay thế và từ quá trình xử lý nước thải khoảng 0,6 m³/lần thay thế.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát, phát sinh khoảng 38 kg trong suốt thời gian thi công, xây dựng. Thành phần chủ yếu gồm: Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (mã CTNH: 17 02 03); bao bì kim loại, nhựa (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải như thùng sơn, thùng hóa chất chống thấm (mã CTNH: 18 01 02; 18 01 03); giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (mã CTNH: 18 02 01); que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại (mã CTNH: 07 04 01).

b) Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, phát sinh khoảng 57 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm: Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (mã CTNH: 17 02 03); bóng đèn huỳnh quang thải (mã CTNH: 16 01 06); pin ắc quy thải (mã CTNH: 06 01 12); bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải (mã CTNH: 18 01 03); giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (mã CTNH: 18 02 01).

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công xây dựng, từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị và từ các phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị, vật liệu san nền, vật liệu xây dựng.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các máy bơm, máy quạt, máy thổi khí phục vụ xử lý nước cấp, nước thải.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải

3.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Tác động từ quá trình chiếm dụng đất; hoạt động của các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng có nguy cơ gây hư hỏng các tuyến đường, mất an toàn giao thông; nước mưa chảy tràn mang theo đất, cát gây ảnh hưởng đến ruộng lúa của người dân và tiêu thoát nước tại khu vực; việc tập trung công nhân có khả năng làm mất an ninh trật tự tại khu vực;... Các sự cố ngập úng, sạt lở do lũ lụt, tai nạn lao động, cháy nổ,...

3.4.2. Giai đoạn vận hành

Các tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn vận hành chủ yếu là các tác động từ các sự cố như: sự cố từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước cấp, nước thải, sự cố từ quá trình sử dụng hóa chất, sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, sự cố ngập úng, sạt lở, sụt lún hư hỏng công trình do thiên tai,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 01 nhà vệ sinh di động tại khu vực lán trại của công trường để thu gom nước thải sinh hoạt; định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định; đối với việc thi công tuyến ống cấp nước sạch, Chủ dự án làm việc, thỏa thuận thuê, mượn tạm nhà vệ sinh của các hộ dân gần khu vực thi công để sử dụng, không xả thải ra môi trường.

- Nước thải xây dựng: Bố trí bể lắng tạm (có 02 ngăn, tổng dung tích 09 m³, dung mỗi ngăn 4,5 m³) để thu gom và lắng cặn trong nước thải; bố trí mương, kích thước 5m x 5m x 0,3m để rửa bánh xe ra vào dự án, nước thải tại khu vực này được thu gom về bể lắng tạm nêu trên để lắng cặn, sau đó tái sử dụng cho hoạt động thi công, không xả thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: Tạo các rãnh thu gom nước mưa tạm thời trong khu vực thi công và thường xuyên nạo vét, khơi thông để đảm bảo hiệu quả thoát nước; tạo bờ bao xung quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu, đảm bảo ngăn không cho vật liệu chảy tràn ra khu vực xung quanh; xây dựng hoàn trả tuyến mương phía Nam và cống phía Đông Bắc Dự án để đảm bảo hiệu quả thoát nước vào mùa mưa, không làm ảnh hưởng đến ruộng lúa của người dân.

b) Giai đoạn vận hành:

- Xây dựng hệ thống thu gom nước thải tách riêng với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn (ngăn chứa, ngăn lắng, ngăn lọc), đảm bảo chống thấm. Nước thải sau khi qua bể tự hoại, cùng với nước thải từ các nguồn khác (từ các Lavabo, rửa sàn,...) được dẫn bằng đường ống uPVC, đường kính từ D42 mm - D140 mm về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, công suất 05 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

+ Sơ đồ công nghệ xử lý: Nước thải đầu vào (sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại) → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Cột lọc áp lực → Bể chứa → Tái sử dụng để tưới cây xanh.

+ Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1 và đạt QCVN 08:2023/BTNMT, mức B, Bảng 2, sau đó tái sử dụng để tưới cây xanh trong phạm vi mặt bằng Dự án, không xả thải ra môi trường.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải từ quá trình rửa lọc và từ quá trình xả cặn tại các bể lắng được thu gom về bể chứa bùn, sau đó dẫn qua thiết bị phối trộn có bổ sung PAC để tăng khả năng lắng cặn trước khi dẫn qua bể nén bùn. Tại bể nén bùn, lượng nước thải sau khi lắng bùn cặn được thu gom về hồ chứa nước thô để tiếp tục xử lý, không xả thải ra môi trường.

+ Nước thải phát sinh từ quá trình ép bùn được thu gom về bể chứa bùn để xử lý tương tự nước thải phát sinh từ quá trình rửa lọc và từ quá trình xả cặn tại các bể lắng như đã nêu trên.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào công trường phải có bạt che phủ trong quá trình vận chuyển để giảm thiểu rơi vãi vật liệu trên đường; xe chờ đứng tải trọng quy định.

- Bố trí công nhân quét dọn, thu gom đất, cát rơi vãi do các xe vận chuyển nguyên vật liệu ra vào thi công Dự án.

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi, đặc biệt là tuyến đường ra vào khu dân cư.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 02 m.

- Máy móc, thiết bị thi công đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Vệ sinh các xe khi ra vào công trường nhằm hạn chế tình trạng đất rơi vãi, tồn đọng trên tuyến đường vận chuyển, làm phát tán bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh,...

b) Giai đoạn vận hành:

- Thực hiện công tác lưu chứa, bảo quản hóa chất đảm bảo theo quy định. Thường xuyên kiểm tra an toàn và rò rỉ hóa chất, đảm bảo thông thoáng, không gây ảnh hưởng đến môi trường không khí làm việc.

- Trồng và chăm sóc cây xanh trong khuôn viên Nhà máy nước đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy hoạch được duyệt.

- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ toàn bộ mặt bằng nhà máy, khu vực tập kết rác thải sinh hoạt, khu vực bể chứa bùn, máy ép bùn, đảm bảo không để phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị các thùng chứa rác chuyên dụng có nắp đậy đảm bảo thu gom, lưu chứa toàn bộ lượng chất thải phát sinh; thực hiện phân loại rác tại nguồn và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; không chôn lấp hoặc đốt rác trong khu vực Dự án.

- Chất thải rắn xây dựng: Được thu gom, phân loại và tập kết vào các khu vực lưu giữ tạm thời đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Thu gom, lưu chứa tạm lượng đất đào phát sinh từ quá trình thi công tuyến ống cấp nước và tận dụng để đắp hoàn thiện mặt bằng sau khi thi công; lượng dư thừa được thu gom, vận chuyển về khu vực xây dựng Nhà máy nước để tận dụng cho công tác san lấp mặt bằng (thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, thi công đến đâu, đắp hoàn thiện mặt bằng, đồng thời thu gom, vận chuyển xử lý lượng đất thừa đến đó).

+ Thu gom, vận chuyển lượng xà bần phát sinh từ quá trình thi công tuyến ống cấp nước về khu vực xây dựng Nhà máy nước để tận dụng cho công tác san lấp mặt bằng Dự án.

+ Các thành phần còn lại như: bao bì xi măng, sắt, thép vụn, chất thải từ hoạt động phát quang, làm sạch mặt bằng thi công,... được thu gom, phân loại, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy đảm bảo thu gom, lưu chứa toàn bộ lượng chất thải phát sinh; thực hiện phân loại rác tại nguồn và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; không chôn lấp hoặc đốt rác trong khu vực Dự án.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Bố trí khu vực lưu chứa bên trong Nhà kho xưởng, liền kề với khu chứa chất thải nguy hại, diện tích 20m² để lưu chứa các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh. Khu vực lưu chứa đảm bảo nền bê tông chống thấm, kín khít, không bị thấm thấu, có gờ chống tràn, bao che xung quanh, biển hiệu cảnh báo,... theo quy định.

+ Bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp và nước thải sinh hoạt (lượng bùn thừa sau khi tuần hoàn tái sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải) được thu gom về

bể nén bùn, sau đó tiếp tục đưa qua máy ép bùn để tách nước. Lượng bùn khô được lưu chứa tại khu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường nêu trên. Định kỳ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Vật liệu lọc thải từ quá trình xử lý nước cấp, nước thải: Thuê đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý ngay khi thực hiện thay thế.

c) Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Chất thải nguy hại và chất thải phải kiểm soát được thu gom, phân loại riêng với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng. Trang bị 03 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, loại 240 lít đặt tại công trường thi công (thùng chứa được dán mã chất thải tương ứng) để thu gom, lưu giữ tạm thời, sau đó ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát được thu gom, phân loại riêng với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Bố trí khu vực lưu chứa nằm bên trong Nhà kho xưởng, diện tích 20 m². Khu vực lưu chứa có nền bê tông chống thấm, kín khít, không bị thấm thấu; đảm bảo ngăn được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; gờ chống tràn; cửa khóa, biển cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30 cm); bên trong dán nhãn cảnh báo, mã chất thải nguy hại; trang bị thiết bị, dụng cụ PCCC theo quy định.

- Trang bị các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dán mã chất thải tương ứng, đặt tại khu chứa chất thải nguy hại để phân loại, lưu chứa.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý và thực hiện lưu trữ toàn bộ chứng từ liên quan đến công tác quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

c) Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chỉ sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, đã được đăng kiểm theo quy định; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng; tắt máy khi dừng đỗ trong phạm vi Dự án.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân tham gia thi công xây dựng, lắp

đặt máy móc, thiết bị.

- Bố trí thời gian hoạt động của các thiết bị hợp lý, tránh hiện tượng cộng hưởng lớn từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn; giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung; thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê các đệm chân để máy để hạn chế độ rung; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; trồng cây xanh đảm bảo diện tích theo quy hoạch được duyệt,...

4.3.3. Quy chuẩn áp dụng

QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra, nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

- Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động theo quy định và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân để thực hiện; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

- Lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm tại các hồ chứa, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, sửa chữa, khắc phục kịp thời các khu vực có nguy cơ sạt lở, sụt lún vào mùa mưa, đặc biệt là các hồ chứa nước để đảm bảo an toàn trong suốt quá trình thi công, xây dựng.

- Xây dựng hoàn trả tuyến mương phía Nam, cống phía Bắc để đảm bảo hiệu quả thoát nước cho khu vực, không gây ngập úng cục bộ vào mùa mưa và thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắt các công rãnh xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng,...

b) Giai đoạn vận hành:

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất; ứng phó sự cố vỡ bể chứa nước, vỡ ống truyền tải nước sạch, ngập úng tại khu vực.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

- Rào chắn xung quanh và bố trí biển cảnh báo nguy hiểm cố định tại khu vực các hồ chứa nước; Thường xuyên kiểm tra và kiểm soát các yếu tố có nguy cơ tiềm ẩn gây tai nạn để kịp thời khắc phục và ngăn chặn sự cố có thể xảy ra.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống phân phối nước, kịp thời sửa chữa, hạn chế thấp nhất sự cố rò rỉ, vỡ đường ống,...

4.4.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông trong suốt quá trình thi công, xây dựng.

- Xây dựng nâng cao chân tường rào xung quanh phần diện tích xây dựng Nhà máy nước, đảm bảo không để chảy tràn đất, cát san nền ảnh hưởng đến ruộng lúa của người dân xung quanh khu vực này.

- Trong quá trình thi công, xây dựng nếu để xảy ra tình trạng hư hỏng các tuyến đường và nhà dân xung quanh, Chủ dự án có trách nhiệm kiểm tra, đền bù, xử lý phù hợp.

b) Giai đoạn vận hành:

- Xây dựng nội quy về an toàn điện, an toàn cháy nổ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại Nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng đường ống phân phối nước; bảo dưỡng máy móc, thiết bị, bơm nước tại Nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra, xả cặn trong đường ống phân phối nước đảm bảo chất lượng nước sạch đến nơi tiêu thụ; bố trí nhân viên kiểm tra, giám sát liên tục trong suốt thời gian súc xả đường ống, đảm bảo hiệu quả thoát nước, không gây ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh.

- Thực hiện đúng quy trình vận hành, quản lý, bảo dưỡng công trình theo quy định của nhà cung cấp.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thường xuyên giám sát thành phần, số lượng chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh.

- Thực hiện thu gom, phân loại, quản lý và định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng, năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

5.1.2. Giám sát sự cố sạt lở, sụt lún: Giám sát thường xuyên trên toàn bộ mặt bằng Dự án.

5.2. Giám sát trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát chất lượng nước mặt

- Vị trí giám sát: 03 vị trí.

+ Vị trí 01: Cách điểm lấy nước về phía thượng lưu 200m, tọa độ X = 1.540.906; Y = 604.468.

+ Vị trí 02: Tại đập Văn Mối, tọa độ X = 1.540.606; Y = 604.679.

+ Vị trí 03: Tại điểm lấy nước, tọa độ X = 1.540.739; Y = 604.592.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TOC, TSS, DO, tổng Phosphor TP, tổng Nitơ TN, tổng Coliform, Coliform chịu nhiệt, TSS, As, Fe, Mn, Chất hoạt động bề mặt anion.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT, Bảng 1 và Bảng 2.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thường xuyên giám sát thành phần, số lượng chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh.

- Thực hiện thu gom, phân loại, quản lý và định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng, năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

5.2.3. Giám sát nước thải

- Giám sát thường xuyên việc thu gom, xử lý nước thải và tái sử dụng nước thải sau xử lý để tưới cây xanh trong mặt bằng. Đảm bảo nước thải sau xử lý luôn đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,0 và QCVN 08:2023/BTNMT, Mức B, Bảng 2.

- Giám sát thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian thực hiện vệ sinh, súc xả định kỳ đường ống cấp nước sạch, đảm bảo không làm xói lở, ảnh hưởng đến môi trường xung quanh điểm xả.

5.2.4. Giám sát các sự cố sạt lở, bồi lắng

- Vị trí: Tại khu vực khai thác nước thô, tại các hồ chứa nước và toàn tuyến ống cấp nước.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong suốt quá trình hoạt động.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đã được phê duyệt kết quả thẩm định trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại Trụ sở UBND xã Cát Chánh, UBND xã Nhơn Hội và UBND thị trấn Cát Tiến trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo.

- Thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch của Dự án đã được phê duyệt, đảm bảo quy định của pháp luật trước khi triển khai thi công ngoài hiện trường.

- Tuân thủ các biện pháp kỹ thuật và quản lý nhằm bảo vệ hành lang an toàn nguồn nước phục vụ sản xuất; đảm bảo an toàn chất lượng nước cấp sinh hoạt của Dự án, phòng chống sự cố vỡ bể chứa nước, vỡ đường ống truyền tải nước sạch.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo tồn đa dạng sinh học, tài nguyên nước; các quy định về phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, an toàn hóa chất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành Dự án; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp; Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường trong quá trình vận hành Dự án; Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Chịu trách nhiệm bảo vệ môi trường, bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

Số: /QĐ-BQL

Bình Định, ngày tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội (giai đoạn 1: 10.000 m³/ngày), Khu kinh tế Nhơn Hội (thị trấn Cát Tiến và xã Cát Chánh, huyện Phù Cát và xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn), tỉnh Bình Định

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 70/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh giải quyết một số thủ tục hành chính trên lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét Văn bản số 219/2024/HAL-PMU ngày 10/10/2024 của Công ty cổ phần Halcom Việt Nam về việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội (giai đoạn 1: 10.000 m³/ngày đêm);

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội (giai đoạn 1: 10.000 m³/ngày đêm), Khu kinh tế Nhơn Hội (thị trấn Cát Tiến và xã Cát Chánh, huyện Phù Cát và xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn), tỉnh Bình Định gồm các ông/bà có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Học hàm, Học vị	Nơi công tác	Chức danh trong Hội đồng
01	Nguyễn Thanh Nguyên	Thạc sĩ	Ban Quản lý Khu kinh tế	Chủ tịch

02	Nguyễn Vĩnh Sang	Kỹ sư	Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế	Phó Chủ tịch
03	Mời đại diện		Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường	Ủy viên phản biện
04	Mời đại diện		Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy viên phản biện
05	Mời đại diện		Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn, Sở Tài nguyên và Môi trường	Ủy viên
06	Mời đại diện		UBND huyện Phù Cát	Ủy viên
07	Trần Đức Lưu	Thạc sĩ	Phòng Quản lý Quy hoạch và Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế	Ủy viên
08	Nguyễn Thị Kim Hoa	Thạc sĩ	Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế	Ủy viên thư ký

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ xem xét, thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội (giai đoạn 1: 10.000 m³/ngày đêm); chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định và gửi kết quả cho Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế.

Điều 3. Chi phí hoạt động của Hội đồng thẩm định được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Halcom Việt Nam và các thành viên Hội đồng có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Trưởng ban (báo cáo);
- Cty cổ phần Halcom Việt Nam;
- Lưu: VT, P.QLTNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thanh Nguyên